

Phan Thiết, ngày 25 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28; Điều 147; khoản 3, khoản 5 Điều 211; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Ông Huỳnh Phi L và bà Trần Thị Kim T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 05/7/2004. Nay bà T và ông L xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T – sinh năm 1986.

Trú tại: khu phố 4, phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Huỳnh Phi L – sinh năm 1971

Trú tại: khu phố 4, phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Phi V (nam) – sinh ngày 24/8/2004 và Huỳnh Huyền T (nữ) – sinh năm 15/9/2010.

Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung tên Huỳnh Phi V (nam) – sinh ngày 24/8/2004 và Huỳnh Huyền T (nữ) – sinh năm 15/9/2010 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Ông L, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con. Ngày 12/7/2017 bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0013595 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển sang thành án phí và sung công quỹ nhà nước.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường, xã (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

MAI THỊ HUẤN